

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 72/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;



Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang; các phòng thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý,

bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy



định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.
2. Các Phòng thuộc Ban:
 - a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
 - b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Phong Quang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Kho bạc Nhà nước khu vực VIII;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (Đăng tải);
- Lưu: VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

